

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ  
PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG  
VINACONEX**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5-6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	14 - 35

\*\*\*\*\*

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã kiểm toán bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và các Công ty con (gọi chung là nhóm Công ty).

#### Khái quát về Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (tên cũ là Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được cấp bổ sung 4 lần Giấy đăng ký kinh doanh do thay đổi tên Công ty, trụ sở chính và Văn điều lệ.

*Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4*      **380.000.000.000 VND**  
*Vốn pháp định*      **6.000.000.000 VND**

<b>Cổ đông theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</b>	<b>Vốn góp (VND)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	110.915.000.000	29,2%
Tổng Công ty Sông Đà	33.525.500.000	8,82%
Tổng Công ty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi	29.691.280.000	7,8%
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	14.440.000.000	3,8%
Các cổ đông khác	191.428.220.000	50,38%
<b>Cộng</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>100%</b>

#### *Trụ sở hoạt động*

Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại : 046.2699988  
Fax : 046.2699977  
E-mail : vinaconexpc@fpt.vn  
Mã số thuế : 2800799804

#### *Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế là:*

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thẩm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

ĐẠI  
PHÁP  
LIÊN

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Công ty con**

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Trung Chính, Xuân Cẩm, Thường Xuân, Thanh Hóa	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Trung Chính, Xuân Cẩm, Thường Xuân, Thanh Hóa	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	51%

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Nhóm Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 34).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vương Hoàng Minh	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Minh Văn	Ủy viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Tuấn Hùng	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014
Ông Trịnh Hữu Long	Ủy viên		26 tháng 3 năm 2014

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm theo nhiệm kỳ III (2014 – 2019)	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	26 tháng 3 năm 2014	
Lý Quang Thái	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014
Nguyễn Văn Chính	Thành viên		26 tháng 3 năm 2014

**Ban Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Giám đốc	22 tháng 5 năm 2004
Ông Phạm Bào Long	Phó Giám đốc	10 tháng 7 năm 2012

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**  
**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



**Vương Hoàng Minh**  
**Giám đốc**

Ngày 03 tháng 02 năm 2015

15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25



**BAKER TILLY  
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C  
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trưng Sui St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970  
Branch in Hà Nội : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Hà Nội City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Cần Thơ : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Cần Thơ City  
www.a-c.com.vn

Số: 08/2015/BCTC-KTTV-TV

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex, được lập ngày 03 tháng 02 năm 2015, từ trang 7 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

(B) / H  
 Y / C  
 C / H  
 C / H  
 N / H  
 T / H

**Các vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính hợp nhất đó tại ngày 26 tháng 02 năm 2014.

Như một phần của cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi đã kiểm toán những điều chỉnh được mô tả tại thuyết minh số VII.3 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng để sửa đổi Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Theo ý kiến của chúng tôi, những điều chỉnh này là hợp lý và đã được áp dụng thích hợp. Ngoài việc kiểm tra những điều chỉnh này, chúng tôi không thực hiện kiểm toán, soát xét hay áp dụng bất kỳ thủ tục kiểm toán nào đối với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay một hình thức đảm bảo nào khác về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 xét trên phương diện tổng thể.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-01*

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2013-008-01*

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2015

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>91.510.297.534</b>	<b>60.663.975.801</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.835.535.447</b>	<b>6.456.700.196</b>
1. Tiền	111		5.835.535.447	1.456.700.196
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	5.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>57.687.676.956</b>	<b>48.042.804.858</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	55.378.027.434	42.527.817.526
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	968.098.269	1.010.437.654
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	1.341.551.253	4.504.549.678
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.696.930.975</b>	<b>1.225.529.264</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1.696.930.975	1.225.529.264
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.290.154.156</b>	<b>2.938.941.483</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	18.118.622	166.170.617
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		327.595.809	1.620.585.438
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	944.439.725	1.152.185.428





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.162.885.216.518</b>	<b>1.233.859.260.584</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.141.722.022.247</b>	<b>1.204.208.592.895</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.124.739.458.015	1.192.956.308.204
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>1.427.732.016.405</i>	<i>1.425.138.328.985</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(302.992.558.390)</i>	<i>(232.182.020.781)</i>
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	16.982.564.232	11.252.284.691
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.163.194.271</b>	<b>29.650.667.689</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.163.194.271	29.650.667.689
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.254.395.514.052</b>	<b>1.294.523.236.385</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>695.971.074.144</b>	<b>792.943.431.936</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>211.275.996.432</b>	<b>186.997.956.529</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	170.275.253.542	142.993.683.407
2. Phải trả người bán	312	V.12	4.884.032.191	4.755.687.097
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	13.368.292.494	22.410.552.622
5. Phải trả người lao động	315		7.055.201.423	105.430.115
6. Chi phí phải trả	316	V.14	6.970.182.349	8.353.792.033
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	8.175.749.016	7.745.919.990
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.16	547.285.417	632.891.265
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>484.695.077.712</b>	<b>605.945.475.407</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	484.695.077.712	605.945.475.407
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>554.584.439.908</b>	<b>501.579.804.449</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>554.584.439.908</b>	<b>501.579.804.449</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.000.000.000	380.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		28.768.193.159	27.516.261.165
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.447.047.769	11.447.047.769
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		134.369.198.980	82.616.495.515
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>C - LỢI ÍCH CỐ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>3.840.000.000</b>	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.254.395.514.052</b>	<b>1.294.523.236.385</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		44,20	113,85
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

01  
N  
00  
00  
A.2  
1H  
2A

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	354.673.460.679	296.647.849.864
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		354.673.460.679	296.647.849.864
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	131.882.230.151	122.496.865.457
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222.791.230.528	174.150.984.407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	686.715.421	1.748.812.032
7. Chi phí tài chính	22	VL4	63.505.730.777	79.265.396.622
Trong đó: chi phí lãi vay	23		54.264.652.925	68.752.410.543
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL5	24.471.860.195	19.740.818.262
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		135.500.354.977	76.893.581.555
11. Thu nhập khác	31	VL6	3.506.600	271.642.355
12. Chi phí khác	32		-	763.323
13. Lợi nhuận khác	40		3.506.600	270.879.032
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.503.861.577	77.164.460.587
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	6.783.729.118	330.031.593
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>128.720.132.459</u>	<u>76.834.428.994</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	VL7	<u>128.720.132.459</u>	<u>76.834.428.994</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL7	<u>3.387</u>	<u>2.022</u>

Người lập biểu

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

KẾ TÍNH TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		135.503.861.577	77.164.460.587
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		70.810.537.609	69.816.600.186
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		2.611.880.700	9.312.977.204
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(647.805.554)	(1.748.352.005)
- Chi phí lãi vay	06		54.264.652.925	68.752.410.543
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		262.543.127.257	223.298.096.515
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.110.914.544)	15.612.173.221
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(471.401.711)	40.014.706
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		2.540.268.826	(5.660.070.194)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.635.525.413	1.902.712.799
- Tiền lãi vay đã trả	13		(55.648.262.609)	(76.346.199.074)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8.729.066.056)	(297.881.508)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		11.500.000	21.673.068
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(3.175.802.848)	(670.334.333)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>197.594.973.728</b>	<b>157.900.185.200</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.323.966.961)	(5.946.027.613)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		614.583.332	1.937.352.005
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.709.383.629)</b>	<b>(6.008.675.608)</b>

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		157.296.417.575	66.737.172.727
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(253.875.926.114)	(181.474.722.225)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(70.926.046.588)	(69.092.601.300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(167.505.555.127)</b>	<b>(183.830.150.798)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>24.380.034.972</b>	<b>(31.938.641.206)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>6.456.700.196</b>	<b>38.395.341.402</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.199.721)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>30.835.535.447</b>	<b>6.456.700.196</b>

Người lập biểu



Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng



Phạm Bảo Long

Lập ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Vương Hoàng Minh

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

### Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm báo cáo tài chính của Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex và các công ty con (gọi chung là Nhóm Công ty).

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NHÓM CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh điện năng.
- Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 149 nhân viên).

- Tổng số các công ty con** : 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

- Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</i>	<i>Quyền biểu quyết của Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Trung Chính, Xuân Cẩm, Thường Xuân, Thanh Hóa	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Trung Chính, Xuân Cẩm, Thường Xuân, Thanh Hóa	51%	51%

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Nhóm Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinacorex (công ty mẹ) và các công ty con. Các Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con, công ty liên kết khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Công ty thì báo cáo tài chính của công ty con phải có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

### 3. Cơ sở hợp nhất

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

### 4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

#### 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### 12. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư Xây dựng cơ bản*

Khoản chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 2 năm.

##### *Tiền thuê văn phòng trả trước*

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### 2. Trợ cấp thôi việc

Nhóm Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### 14. Nguồn vốn kinh doanh

##### Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### 16. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

#### 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### 18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.372,5VND/USD  
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

#### 19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 20. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Nhóm Công ty gồm các khoản phải thu.

##### *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

##### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### 21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Nhóm Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### 22. Bù trừ công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Nhóm Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.350.749.990	912.574.364
Tiền gửi ngân hàng	4.484.785.457	544.125.832
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	5.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	25.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>30.835.535.447</b>	<b>6.456.700.196</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Mua bán điện	55.378.027.434	42.013.342.356
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại ECOCONS Hà Nội	-	312.315.170
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện Miền Bắc 2	-	202.160.000
<b>Cộng</b>	<b>55.378.027.434</b>	<b>42.527.817.526</b>
<b>3. Trả trước cho người bán</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty Cổ phần Công nghệ và giải pháp S5T Việt Nam	430.697.850	-
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp	108.538.182	-
Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư phát triển điện Thanh Xuân 68	233.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	-	116.896.124
Viện Thủy điện và Năng lượng tái tạo	-	572.026.000
Trả trước nhà cung cấp khác	195.862.237	121.515.530
<b>Cộng</b>	<b>968.098.269</b>	<b>1.010.437.654</b>
<b>4. Các khoản phải thu khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khoản phải thu khác	1.341.551.253	4.504.549.678
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	-	3.819.324.323
Phụ cấp HĐQT, BKS	414.750.000	389.200.000
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712	284.513.658
Lãi dự thu	33.222.222	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc	17.723.816	-
Phải thu khác	478.795.503	11.511.697
<b>Cộng</b>	<b>1.341.551.253</b>	<b>4.504.549.678</b>
<b>5. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	15.963.662	32.591.020
Công cụ, dụng cụ	1.680.967.313	1.192.938.244
<b>Cộng</b>	<b>1.696.930.975</b>	<b>1.225.529.264</b>
<b>6. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí Công cụ dụng cụ	18.118.622	166.170.617
<b>7. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tạm ứng	944.439.725	1.152.185.428

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, đụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	788.581.899.915	627.817.629.421	7.693.424.757	1.045.374.892	1.425.138.328.985
Tăng trong năm	2.563.487.420			30.200.000	2.593.687.420
Mua sắm mới				30.200.000	30.200.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.563.487.420				2.563.487.420
Giảm trong năm					
<b>Số cuối năm</b>	<b>791.145.387.335</b>	<b>627.817.629.421</b>	<b>7.693.424.757</b>	<b>1.075.574.892</b>	<b>1.427.732.016.405</b>
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		963.897.078	2.773.254.931	871.397.122	4.608.549.131
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	102.146.404.078	124.647.804.287	4.640.822.235	746.990.181	232.182.020.781
Khấu hao trong năm	27.846.709.884	41.902.329.595	883.678.028	177.820.102	70.810.537.609
Giảm trong năm					
<b>Số cuối năm</b>	<b>129.993.113.962</b>	<b>166.550.133.882</b>	<b>5.524.500.263</b>	<b>924.810.283</b>	<b>302.992.558.390</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	686.435.495.837	503.169.825.134	3.052.602.522	298.384.711	1.192.956.308.204
Số cuối năm	661.152.273.373	461.267.495.539	2.168.924.494	150.764.609	1.124.739.458.015

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.415.606.753.289 VND và 1.120.048.052.509 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng.

**9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Dự án Thủy điện Bái Thượng	1.741.362.035	5.872.835.223	-	7.614.197.258
Dự án Thủy Điện Xuân Minh	7.836.870.710	1.531.496.264	-	9.368.366.974
Công trình kho thiết bị nhà máy	1.674.051.946	889.435.474	2.563.487.420	-
<b>Cộng</b>	<b>11.252.284.691</b>	<b>8.293.766.961</b>	<b>2.563.487.420</b>	<b>16.982.564.232</b>

MÃ  
CH  
ĐỊ  
KẾ  
T  
T  
V



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****10. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chênh lệch tỷ giá giải đoạn trước hoạt động	12.584.090.222	-	6.629.197.152	5.954.893.070
Chi phí thuê văn phòng	16.358.818.705	-	1.434.925.312	14.923.893.393
Chi phí Công cụ dụng cụ	707.758.762	1.877.906.745	2.301.257.699	284.407.808
<b>Cộng</b>	<b>29.650.667.689</b>	<b>1.877.906.745</b>	<b>10.365.380.163</b>	<b>21.163.194.271</b>

**11. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	41.441.400.000	29.460.210.395
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình<sup>(i)</sup></i>	-	9.141.705.774
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long</i>	32.984.400.000	20.318.504.621
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà Nội</i>	8.457.000.000	-
Vay ngắn hạn cá nhân khác <sup>(ii)</sup>	1.300.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18)	127.533.853.542	113.533.473.012
<b>Cộng</b>	<b>170.275.253.542</b>	<b>142.993.683.407</b>

<sup>(i)</sup> Khoản vay tín chấp Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số 173/2014HĐHMTD – PN/SHB110600 ngày 8/7/2014, theo hạn mức tín dụng 35 tỷ VND, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời hạn tối đa 5 tháng trên từng khế ước nhận nợ. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được tính theo thời điểm giải ngân vốn vay và phương án sử dụng vốn cụ thể. Trả lãi ngày 05 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi cho vay trong hạn. Gốc vay trả vào cuối kỳ hạn mỗi khế ước nhận nợ.

<sup>(ii)</sup> Vay cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%, thời hạn vay 05 tháng.

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay**

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	29.460.210.395	143.776.417.575	-	131.795.227.970	41.441.400.000
Vay ngắn hạn cá nhân	-	13.520.000.000	-	12.220.000.000	1.300.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	113.533.473.012	-	123.752.300.298	109.751.919.768	127.533.853.542
<b>Cộng</b>	<b>142.993.683.407</b>	<b>157.296.417.575</b>	<b>123.752.300.298</b>	<b>253.767.147.738</b>	<b>170.275.253.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****12. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi cục di dân tỉnh Thanh Hóa	3.004.403.983	3.004.403.983
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECCI	942.604.651	942.604.651
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Minh Hương	-	476.760.572
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	89.988.420	-
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	83.655.000	83.655.000
Công ty Cổ phần giải trí Đường Chân Trời	143.027.500	-
Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Đông Anh	159.988.136	42.534.030
Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà	181.620.155	-
Nhà cung cấp khác	278.744.346	205.728.861
<b>Cộng</b>	<b><u>4.884.032.191</u></b>	<b><u>4.755.687.097</u></b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.610.105.392	37.145.780.708	34.280.581.765	5.475.304.335
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.098.328.854	6.783.729.118	8.729.066.056	3.152.991.916
Thuế thu nhập cá nhân	1.195.215.914	2.398.603.318	2.718.146.988	875.672.244
Thuế tài nguyên	3.104.985.462	25.463.169.123	27.372.964.326	1.195.190.259
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	10.401.917.000	8.726.478.200	16.459.261.460	2.669.133.740
<b>Cộng</b>	<b><u>22.410.552.622</u></b>	<b><u>80.517.760.467</u></b>	<b><u>89.560.020.595</u></b>	<b><u>13.368.292.494</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Nhóm Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất thuế 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm đầu tiên Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	135.503.861.577	77.164.460.587
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	30.314.888	145.263.323
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	133.000.000
Lợi nhuận tăng do hợp nhất kinh doanh	-	12.263.323
Chi phí không được trừ	30.314.888	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	<u>135.534.176.465</u>	<u>77.309.723.910</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính</i>	135.492.880.611	75.989.597.538
<i>Thu nhập khác</i>	41.295.854	1.320.126.372
Thu nhập tính thuế	135.534.176.465	77.309.723.910
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i>	29.829.268.131	19.327.430.978
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	(16.259.145.673)	(11.398.439.631)
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</i>	(6.774.644.031)	(7.598.959.754)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>6.783.729.118</b>	<b>330.031.593</b>

**Thuế tài nguyên**

Nhóm Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức 1.508,850VND/Kwh x thuế suất x sản lượng đầu từ ngày 1/2/2014.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Chi phí phải trả**

Là chi phí lãi vay phải trả.

**15. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	19.726.348	67.088.035
Bảo hiểm xã hội	2.650.566	25.639.569
Bảo hiểm y tế	40.734.388	23.431.702
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	3.303.754.700	2.282.330.700
Phải trả, phải nộp khác	4.818.698.817	5.347.429.984
<b>Cộng</b>	<b>8.175.749.016</b>	<b>7.745.919.990</b>

**16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	317.765.271	2.155.088.000	11.500.000	2.472.853.271	11.500.000
Quỹ phúc lợi	315.125.994	923.609.000	-	702.949.577	535.785.417
<b>Cộng</b>	<b>632.891.265</b>	<b>3.078.697.000</b>	<b>11.500.000</b>	<b>3.175.802.848</b>	<b>547.285.417</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****17. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng phát triển Việt Nam - chi nhánh Hòa Bình <sup>(1)</sup>	34.528.741.099	88.083.187.855
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội <sup>(2)</sup>	108.555.248.420	120.441.848.420
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(2)</sup>	82.637.004.808	91.685.604.808
Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa <sup>(2)</sup>	55.091.336.531	61.123.736.531
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa <sup>(1)</sup>	55.091.336.531	61.123.736.531
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam <sup>(3)</sup>	148.791.410.323	183.487.361.262
<b>Cộng</b>	<b>484.695.077.712</b>	<b>605.945.475.407</b>

<sup>(1)</sup> Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 06/2005/HĐTD ngày 24/7/2005, Hợp đồng điều chỉnh số 109/2010/HĐKT về việc thừa kế quyền và nghĩa vụ hợp đồng cho vay vốn tín dụng đầu tư phát triển giữa Quỹ hỗ trợ phát triển Hòa Bình nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Hòa Bình và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex, hợp đồng điều chỉnh số 05/2009/HĐTD ĐTĐC ngày 4/3/2009. Theo đó, hạn mức khoản tín dụng là 430 tỷ VND, thời hạn cho vay là 12 năm, thời gian ân hạn trả nợ gốc là 54 tháng, lãi suất cho vay áp dụng cho các khoản giải ngân từ ngày 1/7/2008 là 8,4%/năm với mục đích sử dụng vốn vay là đầu tư cho Dự án nhà máy thủy điện Cửa Đạt. Gốc và lãi thanh toán 1 tháng/lần.

<sup>(2)</sup> Khoản vay với các ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Thanh Hóa, được ký chung một hợp đồng tín dụng số 205.02/2005 ngày 1/8/2005 với Công ty Cổ phần Thủy điện Cửa Đạt (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Vinaconex). Theo đó, hạn mức tín dụng của Hợp đồng là 547 tỷ VND, thời hạn cho vay là 168 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cho nhà máy Thủy điện Cửa Đạt. Lãi suất áp dụng được tính bằng lãi suất huy động tiết kiệm bình quân kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) của các ngân hàng tham chiếu (các ngân hàng tham gia cho vay) + tỷ lệ 3%/năm. Thời hạn ân hạn thanh toán nợ gốc là 54 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong thời hạn này lãi phát sinh sẽ nhập gốc. Kỳ hạn thanh toán nợ gốc theo PL 05 ngày 31/3/2011 là 3 tháng/lần.

Các khoản vay của 5 chi nhánh ngân hàng trên được đảm bảo toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

<sup>(3)</sup> Khoản vay thông qua Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Tổng Công ty Vinaconex) với Ngân hàng BNP Paribas. Theo đó, Tổng Công ty Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo các hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex ký hợp đồng vay lại của Tổng Công ty Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCD ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCD là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ cũng ngày là LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

**Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Từ 1 năm trở xuống <sup>(1)</sup>	127.533.853.542	113.533.473.012
Trên 1 năm đến 5 năm	418.720.151.422	413.273.079.902
Trên 5 năm	65.974.926.290	192.672.395.505
<b>Tổng nợ</b>	<b>612.228.931.254</b>	<b>719.478.948.419</b>

<sup>(1)</sup> Các khoản vay có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống được trình bày ở phần nợ ngắn hạn.

**Chi tiết phát sinh của vay dài hạn Ngân hàng như sau:**

	<b>Năm nay</b>
Số đầu năm	605.945.475.407
Số tiền vay phát sinh	-
Tăng do CLTG đánh giá lại	2.610.680.979
Số tiền vay đã trả	108.778.376
Số kết chuyển	123.752.300.298
<b>Số cuối năm</b>	<b>484.695.077.712</b>

**18. Vốn đầu tư của chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	380.000.000.000	27.516.261.165	11.447.047.769	82.616.495.515	501.579.804.449
Lợi nhuận trong năm nay				128.720.132.459	128.720.132.459
Trích lập các quỹ trong năm nay		1.251.931.994		(4.330.628.994)	(3.078.697.000)
Chia cổ tức năm nay				(72.200.000.000)	(72.200.000.000)
Thù lao HĐQT				(436.800.000)	(436.800.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>380.000.000.000</b>	<b>28.768.193.159</b>	<b>11.447.047.769</b>	<b>134.369.198.980</b>	<b>554.584.439.908</b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Trả cổ tức năm trước	72.200.000.000	72.200.000.000

**Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.000.000	38.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.000.000	38.000.000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	38.000.000	38.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**19. Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	3.840.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>3.840.000.000</u></b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	354.417.797.399	295.363.138.512
Doanh thu cung cấp dịch vụ	255.663.280	1.284.711.352
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>354.673.460.679</u></b>	<b><u>296.647.849.864</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	131.664.356.125	122.127.638.122
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	217.874.026	369.227.335
<b>Cộng</b>	<b><u>131.882.230.151</u></b>	<b><u>122.496.865.457</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	647.805.554	1.680.418.353
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	38.909.867	68.393.679
<b>Cộng</b>	<b><u>686.715.421</u></b>	<b><u>1.748.812.032</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	59.084.535.925	72.571.734.866
Lãi vay hỗ trợ lãi suất	(4.819.883.000)	(3.819.324.323)
Chênh lệch tỷ giá phân bổ	6.629.197.152	6.629.197.152
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.611.880.700	3.883.788.927
<b>Cộng</b>	<b><u>63.505.730.777</u></b>	<b><u>79.265.396.622</u></b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	16.058.156.472	11.023.501.461
Chi phí vật liệu quản lý	37.599.771	66.773.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	94.641.051	150.035.785
Chi phí khấu hao TSCĐ	585.631.865	701.213.580
Thuế, phí và lệ phí	3.318.182	78.209.076
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.482.248.047	7.583.627.962
Chi phí bằng tiền khác	210.264.807	137.456.940
<b>Cộng</b>	<b><u>24.471.860.195</u></b>	<b><u>19.740.818.262</u></b>

**6. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý vật tư	-	140.567.270
Hoàn nhập chi phí bảo hành hạng mục công trình nhà trẻ Maple Bear	-	129.375.083
Phí chuyển nhượng cổ phần	2.800.000	-
Thu nhập khác	706.600	1.700.002
<b>Cộng</b>	<b><u>3.506.600</u></b>	<b><u>271.642.355</u></b>

**7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	128.720.132.459	76.834.428.994
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	128.720.132.459	76.834.428.994
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	38.000.000	38.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>3.387</u></b>	<b><u>2.022</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	38.000.000	38.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b><u>38.000.000</u></b>	<b><u>38.000.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	188.843.644	596.080.017
Chi phí nhân công	34.495.593.435	22.853.760.363
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.810.537.609	69.816.600.186
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.122.295.228	46.765.336.043
Chi phí khác	2.736.820.430	2.205.907.110
<b>Cộng</b>	<b><u>156.354.090.346</u></b>	<b><u>142.237.683.719</u></b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
Tiền lương	1.533.142.857
<b>Cộng</b>	<b><u>1.533.142.857</u></b>

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam	Cổ đồng góp vốn
Tổng công ty Sông Đà	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đồng góp vốn
Tổng Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp	Cổ đồng góp vốn

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay phải trả	6.654.231.464	8.368.113.365
TCT Vinaconex cung cấp hàng hóa	-	1.140.341.268

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam</i>		
Phải trả gốc vay	185.989.263.865	220.184.843.275
Phải trả lãi vay	1.443.256.285	1.714.262.158
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>187.432.520.150</u></b>	<b><u>221.899.105.433</u></b>

**2. Thông tin về bộ phận**

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là bán điện năng và trong một khu vực địa lý là trong nước.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****3. Thay đổi chính sách kế toán và các sai sót****Các sai sót**

Theo quyết định số 41945/QĐ – CT – TTr4 ngày 28 tháng 8 năm 2014 của Cơ quan thuế về việc điều chỉnh nguyên giá tài sản cố định và thu nhập khác từ các năm trước.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước		Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
			Các điều chỉnh		
<b>Bảng cân đối kế toán</b>					
Tài sản cố định hữu hình	221	1.176.816.312.866	16.139.995.338	1.192.956.308.204	
Nguyên giá		1.405.954.464.045	19.183.864.940	1.425.138.328.985	
Giá trị hao mòn lũy kế		(229.138.151.179)	(3.043.869.602)	(232.182.020.781)	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	17.357.922.506	5.052.630.116	22.410.552.622	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	76.834.428.994	5.782.066.521	82.616.495.515	

**4. Quản lý rủi ro tài chính****Tổng quan**

Hoạt động của Nhóm Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Giám đốc phê duyệt.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Nhóm Công ty.

Nhóm Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

**Phải thu khách hàng**

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Nhóm Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Công ty mua bán điện với số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 chiếm 100% tổng số dư nợ phải thu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 chiếm 99%). Các khách hàng khác có số dư dưới 1% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

**Tiền gửi ngân hàng**

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Nhóm Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinacorex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Nhóm Công ty nhập khẩu máy móc phục vụ cho sản xuất sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm USD	Số đầu năm USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	44,20	113,85
Vay và nợ	(8.703.269,92)	10.442.723,94
<b>Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ</b>	<b>(8.703.225,72)</b>	<b>(10.442.610,09)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 3.534.597.545 VND (năm trước giảm/tăng 3.302.736.506 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

#### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Nhóm Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Nhóm Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	(561.805.590.155)	(409.433.638.078)
<b>(Nợ phải trả) thuần</b>	<b>(561.805.590.155)</b>	<b>(409.433.638.078)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Nhóm Công ty sẽ giảm/tăng 10.674.306.213 VND (năm trước giảm/tăng 6.583.407.727 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	30.835.535.447	-	6.456.700.196	-	30.835.535.447	6.456.700.196
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	55.378.027.434	-	42.527.817.526	-	55.378.027.434	42.527.817.526
Các khoản phải thu khác	944.491.541	-	4.504.365.481	-	944.491.541	4.504.365.481
<b>Cộng</b>	<b>87.158.054.422</b>	<b>-</b>	<b>55.488.883.203</b>	<b>-</b>	<b>87.158.054.422</b>	<b>55.488.883.203</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Vay và nợ	654.970.331.254	-	748.939.158.814	-	723.381.859.576	748.939.158.814
Phải trả người bán	4.884.032.191	-	4.755.687.097	-	4.699.378.534	4.755.687.097
Các khoản phải trả khác	10.282.784.374	-	10.678.254.020	-	58.253.477.769	10.678.254.020
<b>Cộng</b>	<b>670.137.147.819</b>	<b>-</b>	<b>764.373.099.931</b>	<b>-</b>	<b>786.334.715.879</b>	<b>764.373.099.931</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Nhóm Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này đo có kỳ hạn ngắn.

**6. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.

Người lập biên

Nguyễn Văn Bình

Kế toán trưởng

Phạm Bảo Long

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2015

Giám đốc



Vương Hoàng Minh